

Vượt Biên và Con Đường đi tới Golden Gate

Phạm Đình Mai

Tôi không nhớ quyển sách nào có bài học Anh ngữ gây ấn tượng sâu sắc nhất đối với tôi, bài nói về cầu Golden Gate ở San Francisco. Cầu được bắt đầu xây cất vào năm 1933, dưới thời Tổng thống Roosevelt. Bốn năm sau, 1937 mới hoàn tất. Đây không phải là một cây cầu dài, vì nó chỉ có 2.737m. Bề ngang 27m, nhưng việc đáng nói là chiếc cầu nặng 811.500.000 kg được treo trên 2 dây cáp. Cây cầu treo bằng 2 dây cáp chính buộc chặt ở hai đầu cầu rồi gác lên trên 2 tháp cao ngoài biển, mà đỉnh tháp cách mặt nước tới 227m. Từ cầu xuống nước là 67m. (Treo vì muốn nâng cao để tàu lớn giao thông qua lại. Đây là hành lang thủy đạo nối liền Thái Bình Dương với vịnh Cựu Kim Sơn). Sợi dây cáp có đường kính 0m92 được bện bởi 61 tao kim khí, do 27.572 sợi thép kết lại. Chiều dài của dây kim loại dùng trong 2 dây cáp là 129.000 km và chỉ nội công tác bện 2 dây cáp này đã mất 6 tháng, 9 ngày. Để sơn cầu, phải dùng hết 37.800 lít sơn màu cam. Ngày khánh thành 26.5.1937 chỉ cho người đi bộ qua cầu thôi. Trên 200.000 người đi qua trong 12 giờ đầu tiên. Ngày hôm sau tới phiên xe hơi, trong ngày đếm được 32.300 chiếc. Kỹ sư trưởng đảm nhận công trình xây cất là Joseph Baerman Strauss và cũng là người đã suy nghĩ suốt 22 năm để vẽ ra kiểu mẫu cây cầu. Sách cho rằng Golden Gate là một công trình có kiến trúc kỹ thuật xuất sắc, hùng vĩ và được yêu chuộng nhất của nước Mỹ. Lại thêm ông thầy Anh văn là người đã du học Mỹ, từng tham quan Golden Gate "tán" thêm vào, khiến tôi hạ quyết tâm phải đến đó cho bằng được.

Tôi có tên chuẩn bị đi tu nghiệp ở Nữu Ước, ngày 2 năm Tháng 6 - 1975 mới đi thì tháng 4 miền Nam sụp đổ. Mong tham quan Golden Gate của tôi tan tành theo vận nước. Năm 1979, vợ chồng tôi và đứa con gái đầu lòng mới 9 tháng bị ở tù vì tội vượt biên tại huyện Châu Thành, Bà Rịa. Được thả ra, tôi lại tiếp tục tính chuyện ra đi. Khi tôi làm chủ ghe, khi làm tài công, lúc làm chủ bãi, lúc mua vé... 19 lần thất bại, nhà tan cửa nát. Ông hàng xóm quen một đường dây đi bộ qua Kampuchia, nhiều chuyến đã thành công. Vì đi học tập mới về, còn bị quản chế, mọi di chuyển đều gặp khó khăn cho nên ông đề nghị cho tôi mượn tiền với điều kiện dẫn Lộc, con trai 10 tuổi của ông đi. Tôi phải đưa trước cho người dẫn đường 5 chỉ để dẫn qua Miên. Khi tới Thái Lan, người tổ chức sẽ lấy mật mã từng người đem về Việt Nam, người nhà sẽ thanh toán. Ông hàng xóm bảo đảm sẽ trả giúp, và thân nhân của tôi ở nước ngoài cũng cam kết trả lại cho thân nhân của ông ở Canada 3.000 mỹ-kim.

Lần thứ 20, tôi ra đi một mình vì không còn khả năng đài thọ vợ con. Nửa chỉ vàng cuối cùng là chiếc nhẫn đính hôn, vợ tôi trao cho tôi để phòng thân. Tôi để lại nhà vì ra đi không biết sống chết thế nào, dù sao nhờ nó, 4 mẹ con ở lại cũng có cái ăn được đôi ba tuần để chờ tin tôi.

Lộc và tôi rời nhà vào ngày 16/7/1987. Người Miên dẫn đường phát cho chúng tôi một ít tiền riel. Y lên xe nào, chúng tôi lên xe đó. Y xuống đâu, chúng tôi xuống đó. Xuống Châu Đốc, qua phà, rồi đi thuyền dọc sông Mékong. Gần tới biên giới, lợi dụng đêm tối trăng, theo đường tắt băng qua rừng. Bỗng nhiên có tiếng chó sủa. Lúc đầu một con. Dần dà 4, 5 con sủa inh ỏi chạy phía sau. Tôi than thầm khổ mạng. Chắc chắn là chó của công an biên phòng Việt-Nam. Bị bắt lại lần này, ở tù lâu lắm. Trong tội cùng vô vọng, tôi quay phắt lại chỉ đám chó:

- Đứng lại. Tao không ăn thịt chó, tụi bây không được hại người!
- Tự nhiên đám chó chúc cái mõm lên cao rồi gừ gừ đứng lại. Lộc nói:
- Phép chú Mai ngầu quá.
 - Phép khỉ gì, đi lẹ lên.

Lọt qua biên giới, người dẫn đường đón chiếc xe Daihatsu. Chúng tôi vào thủ đô Phnom Penh. Họ ếm chúng tôi trên lầu cùng với mười mấy người khác. Ban tổ chức dặn dò không được đi đâu, nhưng tôi cũng trốn ra tìm tới ông cậu vợ, người Long An đi tập kết về đang làm chỉ huy trưởng kiểm soát quân sự, (tức là quân cảnh) để xin theo xe bộ đội đi Siem Riep. Mục đích là để viếng đền Đế Thiên Đế Thích. Sợ rằng chuyến đi này chưa chắc còn sống để trở lại Miên, nên đánh liều để xem cái kỳ quan thế giới này ra làm sao. Mấy ngày sau trở về, mới biết lẽ ra nhóm chúng tôi đã lên đường, nhưng còn thiếu người, phải chờ cái nhóm ở Sài Gòn mới qua, vì nhóm này đã gom đủ. (Sau này khi qua tới Thái Lan, mới biết nhóm 30 người ấy đã xuống thuyền rồi, nhưng mất tích vĩnh viễn luôn!).

Một ngày trước khi xuất phát, nhóm chúng tôi được dặn dò kế hoạch ra đi. Khi giới nghiêm chấm dứt lúc 5 giờ sáng, từng 2 người một mở cửa bước ra đường đón xe xích lô đi chung. Xe này đi xong, 2 người khác mới

bước ra đón xe tiếp, không ra đông người sợ bị lộ. Các thanh niên rời nhà lên xe. Tới phiên tôi và Lộc đi chung. Tôi đón nhằm một ông già. Chiếc xích lô của ông rít lên cọt két rồi lẹt đẹt phía sau. Những người kia đón nhằm thanh niên sung sức, nên họ đạp xe bon bon đi xa mắt dạng. Sương mù dày đặc không trông thấy gì hết. Tôi hoang mang vì làm sao thấy được cây cầu mà xuống xe. Đã 40 phút rồi mà tứ bề sương giăng mù mịt. Tôi bảo Lộc ráng nhìn bên trái, tôi nhìn bên phải để tìm cây cầu. Tôi cố mở to mắt nhìn xuyên qua màn sương. Bỗng tôi thấy một cô gái mặc áo dài trắng băng qua đường. Làm gì trên đất Miền lại có con gái mặc áo dài trắng. Tôi hỏi:

- Lộc có thấy một cô áo trắng đi ngang qua không?
- Có thấy ai đâu chú Mai!

Nhanh như cắt, tôi đưa tay ra dấu dừng xe. Tại sao? "Vì ...

Năm 1963, tôi đến quận Hòa Vang, để thị thực các bản sao bằng Tú tài 1. Lúc vào lại thành phố Đà Nẵng, trời đổ mưa. cơn mưa mùa hạ trút xuống như cầm chỉnh đổ. Bên tay trái tôi là dãy núi Phước Tường. Nước trên núi tràn qua quốc lộ. Nước ngập luôn cái ống bô của chiếc xe gắn máy hiệu Suzuki dame. Bu ji ướt, xe chết máy. Tôi đành dầm mưa chịu trận. Khi mưa tạnh đã 6 giờ chiều. Bấm nút demareur, xe vẫn không nổ. Nhờ đám trẻ chần trâu nhào vô đẩy dùm rất lâu xe mới chạy được. Gần tới Ngã Ba Huế, tức là ngã rẽ bên trái sẽ ra Huế, cách 120km. Quẹo phải 5, 7 cây số là vào Đà Nẵng. Nơi ấy có một cây cầu, người địa phương gọi là Cầu Đò. Từ xa, tôi đã thấy một nữ sinh đứng đón xe ở đầu cầu. Ở ngoài Trung, đồng phục nữ sinh là áo dài trắng. Cô gái mặc quần trắng, đội nón lá, chân đi guốc, tay xách cặp đen. Tôi nghĩ bụng nếu là xe ra Huế, sẽ không bao giờ chịu dừng lại để chờ học sinh một đoạn ngắn. Còn nếu xe Hội An, Tam Kỳ ra, thì sắp đến bến xe rồi, họ cũng không rước khách chỗ này. Trời sắp tối, đi bộ cũng xa lắm. Tôi dừng xe lại hỏi:

- Em về đâu? Nếu quẹo trái ra Nam Ô thì không tiện đường. Quẹo phải vô Đà Nẵng thì quá giang được.
- Dạ em về ngã tư Thanh Khê.

Tôi mừng rỡ:

- Được. Lên xe đi.

Cô gái rụt rè leo lên ngồi ở phía sau. Một tay ôm chặt cặp da, tay phải vòng qua eo ếch của tôi. Xe chạy từ từ.

Tôi hỏi:

- Em tên gì?
- Dạ Đ.T. My.
- Em học lớp mấy, trường nào?
- Dạ lớp đệ lục trường Hòa Vang.

My còn nói lí nhí gì thêm, nhưng tôi đã chạy nhanh, gió tạt không nghe rõ. Chưa tới 10 phút, chiếc Suzuki đã tới Ngã Tư Thanh Khê. Tôi dừng lại, hứa hẹn. Chiều mai thứ bảy, nghỉ học, anh có xe đạp, sẽ về An Ngãi. Có gì anh sẽ ghé nhà em chơi. Bây giờ tối rồi, anh phải đem xe về trả cho ông anh đi trực. My nói:

- Nhà em dễ tìm lắm. Đi vô hết con đường đất ni. Gặp một ngã ba, thấy mấy cây dừa lừa thì quẹo phải. Đi tiếp, hồi mô thấy cái nhà có bồn gỗ đựng nước mắm ở trước sân là tới.

Chiều thứ bảy hôm sau, theo đúng lời chỉ dẫn của My, tôi dắt xe đạp tìm đúng nhà không mấy khó khăn. Tôi dựng xe, tựa vào bồn nước mắm trước sân và bước vào nhà. Căn nhà tranh vách đất. Giữa nhà có chiếc bàn gỗ, trên bàn có bát nhang, hai bên có một nải chuối và một bát cơm có cắm đôi đũa. Trên bát cơm có quả trứng. Nghe tiếng tôi gọi, một người đàn bà bước ra từ phía sau. Bà hỏi:

- Thầy tìm ai?
- Dạ cháu hỏi thăm, có phải nhà Đ.T. My đây không?
- Dạ phải. mà thầy dạy trường của cháu hả?
- Dạ... không!
- Vậy cậu là bạn học ở trường Hoà Vang hả?
- Dạ cũng không phải. Chiều hôm qua, cháu lên quận về, gặp My đứng đón xe ở Cầu Đò, sẵn có xe gắn máy, cháu cho quá giang chở về đây. My có chỉ nhà, chiều ni nghỉ học, cháu đi An Ngãi, nên ghé vô thăm rửa thôi.

Người đàn bà oà lên khóc:

- Cậu ơi! Con tôi bị xe Mỹ cán chết rồi cậu ơi! Trưa hôm qua, tôi mở cửa má cho hán đá. Tan học về hán đi xe đạp ngang qua chỗ Cầu Đò, gió thổi lật cái nón che mặt không thấy đường. Xe đạp quờ quạng, chao đảo giữa đường, bị xe cán chết ngay chỗ cầu đó.

Người đàn bà tiếp tục kể lễ bi thiết, đau thương:

- Mẹ chỉ có mình con, con ơi. Con chết bỏ mẹ con ơi...

Lúc ấy tôi mới nhìn kỹ khung hình để đằng sau bát nhang. Đúng là My rồi ! Đôi mắt đẹp như đang nhìn tôi ngờ ngác, thăm thẳm. Tôi bủn rủn tay chân, cố gắng lắm mới lấy được bó nhang trên bàn đốt lên 3 cây và thăm khấn:

- My ơi. Em đã chết thật rồi. Trong cõi u minh, thần thức của em cứ tưởng mình còn sống. Hãy về với thế giới tâm linh huyền diệu của em. Đừng gặp ai nữa. Anh sợ lắm. Anh sẽ tụng kinh cầu siêu thoát cho em. Rồi tôi đã giữ lời hứa đó sau nhiều năm...

Tôi đưa tay ngăn ông già dừng xe lại, vì liên tưởng tới My 24 năm trước. Tôi định thần độ 5 phút sau. Qua màn sương tôi lơ mơ thấy quả có một cây cầu đúng như linh tính của tôi. Tứ bề im phăng phắc. Tôi e dè bước tới gốc cây lớn bên đường. Lúc ấy tôi mới phác giác ra chiếc xe molotova của quân đội, phủ một tấm bạt, đã nằm im lìm từ lúc nào. Tôi vòng tới trước cabin bước lên thửa nhìn vào trong. Tôi giật mình vì trong tay lái đang có một gương mặt đen sì lộ mắt nhìn ra tôi.

Tôi đánh liều hỏi đại:

- Chiếc xe này chờ chúng tôi phải không?

Câu hỏi không được trả lời. Tôi hỏi tiếp:

- Parlez vous Francais? Do you speak English?

Tên lính Miên lắc đầu. Vừa hỏi hớp, vừa hoang mang, tôi đáo ra sau dỡ tấm bạt thò tay vào trong, thì ra người ngồi lúc nhúc trong đó. Tôi hỏi Lộc leo lên và tôi cũng chui vào. Tôi lên tiếng hỏi:

- Có Dung trong này không?

Im phăng phắc. Vậy là nguyên toán mười mấy người cùng nhà với tôi đã không nhìn thấy cây cầu. (Về sau này, khi có liên lạc, mới biết nguyên nhóm chạy mãi tới sáng thì bị công an Miên bắt, giao cho công an biên phòng Việt Nam.)

Trong tối tăm, tôi nắm tay Lộc ngồi xuống thì xe nổ máy. Xe chạy hơi nhanh, dần lên xóc xuống vì đường đầy hầm hố, ổ gà. Người trong xe đổ mồ hôi nhễ nhại, ngột thở, u đầu rên rĩ. Chạy suốt ngày, đến chạng vạng thì dừng lại để tránh trạm kiểm soát cảng Kompong Som do bộ đội biên phòng Việt Nam trấn đóng. Tài xế đổ người xuống ngay chỗ một người Miên dẫn đường đã chờ sẵn. 25 người nhanh chóng lủi vô rừng đi thành hàng một, sau lưng người Miên. Người dẫn đường có buộc một ngọn đèn đi sẵn trên đầu để soi đường. Một tay cầm cái liềm để chặt những gai góc. Một tay cầm gậy thọc vào đám lá khô để tránh những vực sâu. Vài người rú lên sợ hãi khi thấy bộ xương nằm gục bên đường. Hai lần trông thấy hai bộ xương đều không có đầu! Nửa đêm bỗng nghe tiếng á...á... dài, rồi tiếp theo là tiếng ầm ầm. Biết ngay là có người ngủ gục, bước lợt ra khỏi dấu chân người đi trước và đã rơi xuống vực. Độ 2 giờ sáng, lại thêm một tiếng á...ầm...ầm nữa. Có người làm dấu thánh giá. Tôi chấp tay cầu nguyện cho hai nạn nhân xấu số. Ra khỏi rừng đếm lại, quả nhiên chỉ còn 23 người.

Thoát khỏi rừng rậm, chúng tôi băng qua một đầm lầy. Người dẫn đường ra hiệu cho biết có cá sấu, phải đi nhanh. Trời tối mịt. Thành linh, một ngọn đèn pha phục lên rọi thẳng vào đoàn người chúng tôi. Sinh lầy lún quá bấp vế, chúng tôi đã bị du kích Khmer bắt trọn. Nhiều người đã xỉu ngay xuống sinh. Bảy, tám họng súng AK đen ngòm chĩa thẳng vào chúng tôi. Kẻ cầu Chúa, người niệm Quan Âm cứu khổ để chờ chết. Thành linh, một tên ngựa cái nón sắt, nói lơ lơ không có dấu:

- Một chi vàng bo vo cai non sat, cho qua. Không có mot chi vàng, chat đầu.

Mọi người đều hiểu hết câu nói của y. (Một chỉ vàng bỏ vô cái nón sắt, cho qua. Không có một chỉ vàng, chặt đầu!) Ai nấy đều run lấy bầy, moi móc đầu trong đồ lót, lấy ra ném vào nón sắt. Tôi dặt tay Lộc lùi lại sau cùng. Nước mắt tuôn rơi. Nửa chỉ vàng cuối cùng tôi đã để lại nhà. Vợ tôi sẽ đau lòng lắm khi biết tại sao tôi bỏ xác nơi đây. Nhưng nếu tôi có đem theo cũng không giải quyết được vấn đề, vì nhận lời ủy thác của cha mẹ Lộc, tôi không thể làm người, khi để cho nó chết. Tôi thàn khấn:

- My ơi, đã làm ơn, xin làm ơn cho trót. Có hiền linh, xin giúp anh thoát chết phen này.

Bỗng tôi đạp phải một hòn sỏi dưới bàn chân. Vừa niệm Quan Âm cứu nạn, vừa kín đáo dùng 2 ngón chân kẹp hòn sỏi đưa lên. Tôi vói tay nắm được hòn sỏi, chùi vào áo cho sạch sinh. Một tiếng cạch trong nón sắt là một người được bước qua. Nắm hòn sỏi thật kín trong bàn tay, tôi bảo Lộc leo lên lưng cho tôi cũng để 2 người tính 1 và là người cuối cùng bước ngang qua cái nón sắt. Tôi nhanh chóng ném hòn sỏi vào nón. Một kiếng keng vang lên, và tôi cũng Lộc bước qua. Tôi vái van, xin sao đám du kích đừng vì thiếu mất một chiếc

nhấn mà đuối theo. Nếu không thoát, tôi phải nhận tội để chết, chứ không thể gây họa cho người. Cuối cùng, chúng tôi ra tới bờ biển.

Không biết My đã cứu tôi hay hòn sỏi duy nhất giữa đầm lầy. Hai người Miên lực lưỡng lôi chúng tôi nhét vào dưới hầm ướp cá đậy nắp lại và ra khơi. Gió rất mạnh, có đến cấp 6. Trong hầm kín, người này ói lên đầu người kia. Mùi chua hòa với mùi mồ hôi nồng nặc xông lên. Mồ hôi bốc thành hơi nước đọng trên thành hầm, rồi nhỏ từng giọt cay xuống đám người chen chúc như cá mè trong hộp. Tôi không bị say sóng, nên đủ sức đẩy nắp hầm và leo lên trên boong. Sóng đánh lên làm trơn trượt. Tôi cẩn thận men lần ra sau buồng lái. Tìm thấy nước, tôi uống một bụng thật no nê. Một sợi dây thừng nằm lẫn lóc trên sàn. Tôi buộc chặt vào bụng và kiểm soát lại đầu dây bên kia. Tôi sợ bị sóng đánh văng xuống biển. Mỗi lần sóng tới, đầu mũi thuyền cất lên, chỉ ngay những ngôi sao nhấp nháy trên bầu trời. Thuyền kêu rảng rặc, bập bênh. Sóng đi qua, mũi thuyền hụp xuống. Ruột gan tôi như muốn nhào lên để trào ra ngoài.

Thà chết sạch sẽ giữa trời cao biển rộng, hơn là chết thối trong hầm cá. Thuyền từ từ đi vào một đảo hoang. Thuyền mắc cạn, hình như tôi nghe chân vịt chạm mạnh vào đá. Hai người Miên lật đật chạy lại mở nắp hầm lôi mọi người lên và lập đi lập lại: "Thái lan, Thái Lan". Họ ra hiệu đòi mật mã. Mật mã của tôi là cái chứng minh nhân dân không đục lỗ. Nếu đưa lên thấy có một lỗ thủng trong tấm hình, vợ tôi sẽ biết là bị gạt, chưa tới Thái. Thu thập mật mã xong, người Miên buộc chúng tôi rời ghe. Họ vội vã quay trở ra biển để trở về Miên, vì sợ bị Thái tịch thu ghe. Có người không biết bơi còn trù trù, bị xô xuống biển, đầu va nhằm đá ngầm, máu tuông xối xả. Cuối cùng nhóm người đói khát lạnh lẽo cũng dắt díu nhau lên được hết trên bờ. Sáng hôm sau, chúng tôi gom cành khô đốt lửa cầu cứu.

Ngoài khơi, một chiếc thuyền xuất hiện. Hy vọng chúng tôi thoát khỏi hoang đảo này. Thuyền cập vào bờ. Nhảy lên là 3 thanh niên mặt đen tay cầm súng. Mọi người la lên "hải tặc" và bàn cách đối phó. Nếu chúng chỉ cướp của thì thôi, còn nếu mấy người phụ nữ bị hiếp thì nhóm đàn ông sẽ liều mình giết súng rồi dùng đá và cành cây chống trả. Trong tích tắc, bọn hải tặc đã áp sát. Hai tên chia súng vào nhóm chúng tôi. Còn một tên dí súng dẫn từng người một ra sau một lùm cây, buộc cời hết quần áo cho nó xét. Chúng mò mẫm từng cái quần, cái áo để tìm của. Cái gì nó cũng lấy. Rất may là quần áo chúng tôi bị rách tả tơi hết nên nó cho lại để mặc lên người. Sau khi vợ vét, bọn hải tặc ra dấu bảo chúng tôi đi vòng qua đảo, rồi bọn chúng lên thuyền ra khơi. Chúng tôi đi tiếp theo hướng chúng chỉ. Không ai còn giày dép gì cả nên bàn chân rách nát, bê bết máu. Đến tối mới tới một xóm chài. Dân chài cho cơm cháo và trú ngụ qua đêm.

Cảnh sát Thái đưa chúng tôi vào trạm KlongGiai ngày 1/8/1987. Một tuần sau, có xe chở vào trại tị nạn Panat Nikhom. Ở trại mọi người đều thuộc nằm lòng câu "vượt biên có số, định cư có phần". Có người ôm cả đồng giấy tờ chứng minh là sĩ quan cảnh sát, sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa... vẫn bị Mỹ từ chối. Tôi rét lạnh vì không còn giấy tờ gì để chứng minh là thông dịch viên sở Mỹ RMK cả. Tôi lên sơ vấn, rồi tái phỏng vấn. Người có quyết định tối hậu là ông Harris. Ông chỉ hỏi tôi có vài câu rồi đóng dấu "Approved". Tôi quá cảm động và mừng vui đến rơi lệ khi ông chìa tay bắt và nói tôi được nhận vào Mỹ. Tôi quá ngạc nhiên với lối interview của Mỹ. Không phải như ở nhà, năm 1978, vợ tôi sanh con đầu lòng bị mất sữa, phải làm đơn xin mua thêm sữa bò. Trên đơn phải hội đủ 6 cái mộc, tức là 6 con dấu của 6 cơ quan. Điều đáng nói là cán bộ y tế bắt vợ tôi ra mua gói xôi ngò ăn trước mặt họ. Nửa giờ sau, họ vắt thử xem có sữa không rồi mới chịu ký tên đóng dấu cho phép mua 12 lon sữa bò giá chính thức.

Rời Bataan, tôi đến Mỹ ngày 21/12/1988. Khi máy bay đáp xuống Los Angeles, lòng tôi dâng lên một niềm xúc cảm bàng hoàng. Cái xúc động tự nhiên của bất cứ người nào bắt đầu một cuộc đời hoàn toàn tự do trên một đất nước giàu mạnh nhất thế giới. Tuy nhiên, cái cảm xúc của tôi khi lần đầu tiên trông thấy cầu Golden Gate 31/12/88, lại mệnh mông không diễn đạt được. Tôi dụi mắt để chắc chắn rằng không phải còn nằm mơ. Một giấc mơ dài suốt 26 năm từ khi học bài anh văn về Golden Gate năm 1962.

Kim tự tháp Ai Cập là một kỳ diệu vì cho đến bây giờ, với những máy móc hiện đại tối tân, với trực thăng mạnh nhất, chưa chắc Mỹ nâng được những tảng đá khổng lồ lên cao để ráp lại nhau. Nhưng viếng kim tự tháp là đến một sa mạc nóng bỏng đầy cát bụi. Đền Đế Thích ở Miên thật rộng lớn. Đi hết chu vi của đền có đến 120km. Đền đài chạm trổ bằng tay. Vào thế kỷ thứ 6, có thể phải dùng tới 50 ngàn nhân công, xây cất 50 năm mới xong. Cái thất vọng là phòng ngủ của vua và hoàng hậu nhỏ xíu, tưởng chừng không đủ lọt cái giường queen size! Và lại, một cảm giác lạnh lạnh như oan hồn, tử khí còn lẫn khuất đâu đây. Vạn Lý Trường Thành cũng là một trong 7 kỳ quan của thế giới. Nhưng du khách hình như còn bồi hồi khi tưởng tượng cảnh

núi xương sông máu của dân lành vô tội dưới ách bạo tàn của Tần Thủy Hoàng. Người Pháp cũng hãnh diện về tháp Eiffel của họ. Nhưng nếu du khách mãi ngược nhìn lên, để giày sẽ dẫm phải "bom" của chó phóng uế bừa bãi khắp nơi. Tham quan Eiffel, du khách nào cũng trải qua cái đau khổ khi cần đi tiêu, tiểu. Dù có người hướng dẫn, sẵn sàng mất tiền cũng rất bất tiện vì xa, mất thời gian.

Mời quý vị tham quan Golden Gate. Thoải mái lắm. Không những công viên này mà khắp xa lộ của Mỹ, đâu đâu cũng có bảng chỉ dẫn rõ ràng những rest area, đầy đủ tiện nghi để giải quyết vấn đề cá nhân. Du khách không bao giờ bị "hành hạ và tra tấn" đau khổ như ở Paris. Có lẽ ở bất cứ nơi nào trên thế giới cũng có người mơ ước như tôi là được bước đi trên cầu treo Golden Gate. Buổi sáng sương mù la đà, lãng đãng trôi ngang, nhịp cầu khi ẩn khi hiện. Xế chiều dưới ánh nắng chói chan, một cánh cung vàng như cái móng bắt ngang bầu trời xanh lơ đầy mây giang hồ và những cánh hải âu trắng mượt. Dưới kia, biển xanh um. Tàu thuyền qua lại xé nước, để lại phía sau những vạch trắng như đuôi sao chổi. Buổi tối lại bày ra một khung cảnh tráng lệ, rực rỡ huy hoàng dưới ánh đèn vàng tân kỳ mỹ lệ. Cao quá. Hùng vĩ quá, làm con người thành nhỏ bé như muốn bay bổng. Xe cộ lũ lượt nối đuôi nhau qua lại. Bộ hành cũng có chỗ tản bộ trên side walk rộng 3m ở hai bên thành cầu. Đủ loại y phục màu sắc đặc thù dân tộc được mặc trên người, đủ thứ ngôn ngữ khác nhau được nói qua đường. Chứng tỏ họ từ khắp mọi nơi trên thế giới. Dòng sinh động huyền diệu đó đã từng tồn tại từ ngày 26/5/1937 và tiếp diễn không ngừng nghỉ suốt 64 năm qua.

Mặc dù Joseph Baermann Strauss đã qua đời một năm sau khi khánh thành Golden Gate. Nhưng tác phẩm của ông vẫn sừng sững với thời gian và cùng với Chunnel Tunnel xứng đáng là 2 thành tựu đứng đầu của thế kỷ 20. Mọi người từ Quận Cam đến Golden Gate quá dễ dàng bằng freeway 5 North, chỉ mất có 7 giờ lái xe, trong khi tôi phải mất 26 năm mới tới đó.

Phạm Đình Mai
(Nguyên GD Ngân Hàng, vượt biển 20 lần mới thành công).